TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1597/2018/DS-ST
Ngày: 21/11/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên .

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1038/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 402/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần H là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 121//UQ-HCM.TH ngày 20/7/2017).

Địa chỉ: Đường T, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện nguyên đơn ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn : Ông Nguyễn Phương T, sinh năm 1974.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường Đ, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2017 của Ngân hàng TMCP N và trong quá trình giải quyết vụ án có ông Trần H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 23/5/2011 ông Nguyễn Phương T có đơn yêu cầu Ngân hàng TMCP N (gọi tắt Ngân hàng hoặc V) phát hành thẻ tín dụng quốc tế V Visa để mở thẻ cá nhân. Ngày 24/5/2011 Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng Visa số V0720089 loại thẻ tín chấp cho ông Nguyễn Phương T số CMND 022771257 với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng, đến ngày 05/6/2013 thì Ngân hàng thay đổi cấp hạn mức thẻ tín dụng cho ông T là 20.000.000 đồng theo thông báo in thẻ tín dụng kỳ hạn mới. Thẻ tín dụng V Visa số V0720089 mang tên chủ thẻ là ông Nguyễn Phương T.

Sau khi được phát hành thẻ, ông T đã sử dụng thẻ để rút tiền mặt và thanh toán việc mua sắm. Tuy nhiên, quá trình sử dụng thẻ ông T không thanh toán đúng hạn từ sao kê tháng 4/2014 mặc dù Ngân hàng đã gửi thông báo nhắc nợ hàng tháng, gọi điện thoại nhắc nhở nhiều lần và đến nhà trực tiếp giải quyết công nợ nhưng ông T đều né tránh. Ngày 06/7/2014 Ngân hàng đã tiến hành hủy thẻ của ông T .

Do, ông Nguyễn Phương T không trả nợ do sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà cố tình né tránh, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phương T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 150.969.235 đồng bao gồm: Nợ gốc 18.450.000 đồng, lãi tính từ ngày 29/11/2013 tạm tính đến ngày 24/8/2018 là 15.166.282 đồng, phí chậm trả tính từ ngày 06/01/2014 tạm tính đến ngày 24/8/2018 là 91.354.393 đồng, phí vượt hạn mức tính từ ngày 20/4/2014 tạm tính đến ngày 24/8/2018 là 25.598.559 đồng, phí rút tiền mặt ngày 29/11/2013 là 400.000 đồng, ông Nguyễn Phương T trả ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông T còn phải tiếp tục trả lãi, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định của tài khoản thẻ tín dụng Visa số V0720089 kể từ ngày 24/8/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng căn cứ để tính lãi, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức đối với ông T theo qui định tại Điều 5 và Điều 10 của Bản Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và các bản sao kê tài khoản thẻ Visa V0720089 và bảng chiết tính sử dụng và tính lãi, phí của thẻ tín dụng ngày 24/8/2018 như sau:

Số tiền lãi: Số tiền gốc x số ngày x lãi suất được quy định từng thời kỳ;

Số tiền phí chậm thanh toán: 3% x số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ trước chưa thanh toán, số tiền phí tối thiểu hàng tháng là 50.000 đồng;

Phí vượt hạn mức: Căn cứ vào biểu phí phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ Visa như sau: Từ 1 -5 ngày: Số tiền vượt hạn mức x số ngày x 8%/năm. Từ 6 -15 ngày: Số tiền vượt hạn mức x số ngày x 10%/năm. Từ 15 ngày trở lên: Số tiền vượt hạn mức x số ngày x 15%/năm.

Bị đơn ông T không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa: Hội đồng xét xử xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện nguyên đơn ông H ngày 19/11/2018 và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Nguyễn Phương T trả tổng số tiền do sử dụng tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 là 140.387.236 đồng, trả ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật gồm: Nợ gốc 18.450.000 đồng, lãi tính từ ngày 29/11/2013 đến ngày 21/11/2018 là 16.003.349 đồng, phí chậm trả tính từ ngày 06/01/2014 tính đến ngày 21/11/2018 là 105.533.887 đồng, phí rút tiền mặt ngày 29/11/2013 là 400.000 đồng. Từ ngày 22/11/2018, ông T phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 theo mức lãi suất quy định của đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/5/2011 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Từ ngày 22/11/2018 trở về sau, Ngân hàng không yêu cầu ông T phải thanh toán phí chậm trả và phí vượt hạn mức.

Ngân hàng không yêu cầu ông T phải thanh toán phí vượt hạn mức tính từ ngày 20/4/2014 đến ngày 21/11/2018 số tiền là 30.892.291 đồng và rút yêu cầu phần này.

Bị đơn ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông T trả phí vượt hạn mức tín dụng tổng số tiền là 30.892.291 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N khởi kiện ông T trả số tiền còn thiếu do sử dụng tài khoản thẻ tín dụng quốc tế phát sinh tranh chấp từ hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/5/2011 được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: "*Đương sự Nguyễn Phương T sinh năm 1974 có hộ khẩu thường trú tại Đường Đ, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn cư ngụ tại địa phương từ tháng 9/2013, đi cư ngụ tại số đường A, phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh*.", và theo kết quả xác minh của Công an phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: "*Ông Nguyễn Phương T có thuê căn nhà đường A, phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh quán cà phê giải khát từ năm 2012 đến tháng 9/2016 trả mặt bằng và không ở tại địa chỉ trên và đi đâu không rõ.";*

[1.3] Căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 23/5/2011 của ông Nguyễn Phương T thì tại phần thông tin chủ thẻ chính khai như sau: Tên in trên thẻ: Nguyễn Phương T, giới tính nam, ngày sinh 21/11/1974, địa chỉ nhà riêng Đường Đ, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và phần xác nhận của khách hàng như sau: "*Tôi /chúng tôi xác nhận các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp. Tôi/ chúng tôi đã đọc, hiểu rõ đồng ý cam kết tuân thủ "Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V Visa/V MasterCard đính kèm của Ngân hàng TMCP N*", và tại điểm f khoản 2.2 Điều 2 của Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế qui định về quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: "*Thông báo ngay cho Ngân hàng bằng văn bản những thay đổi địa chỉ nhà riêng, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lac của chủ thẻ."*. Vậy, theo thỏa thuận này, thì khi ông T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn Ngân hàng TMCP N là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[1.4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo kết quả xác minh của Công an Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T có địa chỉ tại số Đường Đ, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ

tín dụng quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5] Bị đơn ông T được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Đại diện nguyên đơn ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[1.7] Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

[2.1] Đối với yêu cầu của Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông T trả phí vượt hạn mức tính từ ngày 20/4/2014 đến ngày 21/11/2018 số tiền là 30.892.291 đồng của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng. Nếu sau này, Ngân hàng khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn ông T trả tổng số tiền 140.387.236 đồng của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 theo đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/5/2011, trả ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật gồm: Nợ gốc 18.450.000 đồng, lãi tính từ ngày 29/11/2013 đến ngày 21/11/2018 là 16.003.349 đồng, phí chậm trả tính từ ngày 06/01/2014 tính đến ngày 21/11/2018 là 105.533.887 đồng, phí rút tiền mặt ngày 29/11/2013 là 400.000 đồng. Từ ngày 22/11/2018 ông T tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định theo đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/5/2011 đến khi thanh toán hết nợ. Từ ngày 22/11/2018 trở về sau, Ngân hàng không yêu cầu ông T phải trả phí chậm trả và phí vượt hạn mức của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.3] Về nợ gốc:

[2.3.1] Căn cứ theo đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 23/5/2011 của ông Nguyễn Phương T đối với Ngân hàng TMCP N. Ngày 24/5/2011 Ngân hàng đồng ý đơn đề nghị của ông T và cấp cho ông T 01 thẻ tín dụng V Visa số tài khoản V0720089, thẻ cá nhân với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng, hiệu lực tháng 5/2013, loại hình bảo đảm thẻ tín chấp, đến ngày 05/6/2013 theo thông báo in thẻ tín dụng kỳ hạn mới thì Ngân hàng đã thay đổi hạn mức thẻ tín dụng cho ông T là 20.000.000 đồng là phù hợp yêu cầu của ông T .

[2.3.2] Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về hợp đồng vay tài sản như sau: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*."; và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*". Theo Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế qui định tại Điều 1 về giải thích từ ngữ như sau: " *Thẻ là thẻ tín dụng quốc tế V Visa/V MasterCard do Ngân hàng phát hành; Chủ thẻ là cá nhân được Ngân hàng cấp thẻ để sử dụng và có tên trên thẻ; Sao kê là bảng kê chi tiết các giao dịch của chủ thẻ cùng các khoản phí phát sinh trong khoảng một thời gian cố định do Ngân hàng qui định; Giá trị thanh toán tối thiểu là khoản tiền tối thiểu chủ thẻ phải thanh toán cho Ngân hàng mỗi kỳ sao kê; Ngày đến hạn là ngày cuối cùng của thời hạn mà việc thanh toán của chủ thẻ đối với số dư nợ tại Ngân hàng được coi là đúng hạn.",* tại điểm n,o khoản 2.2 Điều 2 qui định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: *"n. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng các khoản vay bao gồm gốc, lãi và phí phát sinh theo qui định của Ngân hàng về việc sử dụng thẻ; o. Hàng tháng Ngân hàng gửi sao kê cho chủ thẻ theo địa chỉ bưu điện hoặc địa chỉ mà chủ thẻ đã đăng ký với Ngân hàng. Trong trường hợp chủ thẻ không nhận được sao kê, thì chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng các khoản trả trong kỳ.",* và khoản 4.1 Điều 4 qui định về thanh toán và trả nợ như sau: "*Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch, kể cả các các giao dịch qua internet hoặc các giao dịch dịch khác được cho là hợp lệ theo qui định của Ngân hàng nếu Ngân hàng cung cấp được bằng chứng liên quan chứng minh thẻ sử dụng mà không cần chữ ký của chủ thẻ trên chứng từ cung cấp*", thì từ những thỏa thuận này đối chiếu tài liệu chứng cứ do Ngân hàng nộp là các sao kê từ ngày 20/12/2013 đến ngày 20/11/2018 của tài khoản thẻ tín dụng V Visa có nêu chi tiết giao dịch nội dung sau: "*Tên Nguyễn Phương T,*

mã tài khoản V0720089, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, ngày sao kê, thanh toán tối thiểu, thanh toán trước ngày, số dư kỳ trước và chi tiết giao dịch…" thì bản sao kê ngày 20/12/2013 thể hiện ngày 29/11/2013 ông T ghi nợ 5 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng và sao kê ngày 20/01/2014 thể hiện ngày 07/01/2014 ông T giao dịch số tiền 8.450.000 đồng và ông T phải thanh toán trước ngày 06/02/2014 nhưng đến nay chưa thanh toán số tiền nợ gốc 18.450.000 đồng cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T phải thanh toán số tiền gốc 18.450.000 đồng còn thiếu do sử dụng tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 là phù hợp với những căn cứ đã viện dẫn và qui định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về nợ lãi, phí chậm trả, phí rút tiền mặt

[2.4.1] Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.*";

[2.4.2] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: "*1.Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.";

[2.4.3] Căn cứ tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qui định như sau: "*Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ"*, và qui định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau*: "Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ."*, và theo Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã qui định tại khoản 4.2 của Điều 4 về thanh toán và trả nợ, tại Điều 5 qui định về lãi và phí của các giao dịch sử dụng và tại Điều 10 qui định về biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng phí chậm thanh toán là 3% số tiền thanh toán tối thiểu chưa thanh toán, phí rút tiền mặt

là 4% doanh số rút tiền và mức lãi áp dụng cho thẻ tín dụng từ ngày 02/7/2013 đến ngày 15/01/2014 là 15%/năm, từ ngày 16/01/2014 đến ngày 31/7/2015 là 20%/năm, từ ngày 01/8/2017 đến ngày 02/4/2017 là 17%/năm, từ ngày 03/4/2017 đến ngày 21/11/2018 là 18%/năm là Ngân hàng áp dụng phù hợp với qui định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận;

[2.4.4] Căn cứ bảng chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng của thẻ Visa tài khoản V0720089 của ông T tính từ kỳ tháng 12/2013 đến tháng 11/2018 và các sao kê tài khoản thẻ tín dụng ngày sao kê từ ngày 20/12/2013 đến ngày 20/11/2018 thì thể hiện ông T thanh toán 06 lần cho Ngân hàng, lần thanh toán cuối vào ngày 30/5/2017 với số tiền là 993.969 đồng cho Ngân hàng và từ sau ngày 30/5/2017 cho đến ngày 21/11/2018 chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông T trả lãi tính từ ngày 29/11/2013 đến ngày 21/11/2018 với số tiền là 16.003.349 đồng, phí chậm trả tính từ ngày 06/01/2014 đến ngày 21/11/2018 với số tiền là 105.533.887 đồng, phí rút tiền mặt tính từ ngày 29/11/2013 đến ngày 21/11/2018 là 400.000 đồng do sử dụng tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 là phù hợp với qui định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.4.5] Từ ngày 22/11/2018 trở về sau, Ngân hàng không yêu cầu ông T trả phí chậm trả, phí vượt hạn mức của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N được chấp nhận số tiền là 7.019.362 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm

theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP N buộc ông Nguyễn Phương T trả phí vượt hạn mức tính từ ngày 20/4/2014 đến ngày 21/11/2018 số tiền là 30.892.291 đồng do sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tài khoản số V0720089 của đơn yêu cầu phát hành tín dụng quốc tế ngày 24/5/2011, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo qui định của pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Phương T trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền 140.387.236 đồng bao gồm: Nợ gốc 18.450.000 đồng, tiền lãi 16.003.349 đồng, phí chậm thanh toán 105.533.887 đồng của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 theo đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/5/2011. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 22/11/2018 ông Nguyễn Phương T tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc số tiền là 18.450.000 đồng của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 cho Ngân hàng TMCP N đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được qui định theo đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/5/2011 và Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Từ ngày 22/11/2018 trở về sau, ông Nguyễn Phương T không trả phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức của tài khoản thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0720089 cho Ngân hàng TMCP N.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 7.019.362 đồng, ông Nguyễn Phương T phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.005.404 đồng theo biên lai thu số 0019346 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N và bị đơn ông Nguyễn Phương T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận:
- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn